TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mai

Bà Vũ Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 472/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Lệ B, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị Lệ B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã M, tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/2014 ngày 15/10/2014.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà sống tại gia đình nhà chồng ở tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

Trong cuộc sống hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tình trạng mâu thuẫn diễn ra liên tục và kéo dài. Đầu năm 2016, vợ chồng bà

sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động, tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà đồng ý chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Tại bản khai ngày 18/8/2026, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lưu Thị Lệ B tự nguyện đến với nhau, có tổ chức cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào năm 2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Không ai có định hàn gắn, quay lại chung sống, ông và bà B không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà B có đơn khởi kiện xin ly hôn thì ông đồng ý vì ông cũng đã hết tình cảm.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà B có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014. Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giao con chung cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng thì ông cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc làm ăn không có thời gian tham dự các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có) nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Ông cam đoan không khiếu nại gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thị Lệ B đối với ông Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014, cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Thị Lệ B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động, tự túc được.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lưu Thị Lệ B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường Đ, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 – Khánh Hoà theo Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn bà Lưu Thị Lệ B có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn D có bản khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Xét cuộc hôn nhân giữa bà Lưu Thị Lệ B và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường Đ, tỉnh Khánh Hòa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2014 ngày 15/10/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chuẩn bị xét xử bà B và ông D đều khẳng định cuộc sống hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông D xin xét xử vắng mặt nhưng có bản trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của bà B.

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà B và ông D.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014.

Theo quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ và quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Xét thấy, hiện nay cháu M đang sống cùng ông D. Khi ly hôn, bà B và ông D đều có yêu cầu giao cháu M cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu M có nguyện vọng được ở với ông D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của các bên cũng như nguyện vọng của cháu M.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Thị Lệ B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động, tự túc được. Ông D đồng ý với yêu cầu này của bà B nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà B, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lưu Thị Lệ B đồng ý chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 3, 6, 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân, con chung và cấp dưỡng nuôi con như sau

1. Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Lệ B và ông Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 12/7/2014. Bà Lưu Thị Lệ B cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động, tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Lưu Thị Lệ B tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000923 ngày 06/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà Lưu Thị Lệ B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Đô Vinh, Khánh Hòa;
(GCNKH số 72/12014 ngày 15/10/2014 của UBND xã Mỹ Sơn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Dung